| | |
|---|---|
| **UỶ BAN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TRIỆU SƠN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:2523 /BC - UBND | *Triệu Sơn, ngày 17 tháng 5 năm 2022* |

# BÁO CÁO
# THÁNG HÀNH ĐỘNG VÌ AN TOÀN THỰC PHẨM NĂM 2022

Kính gửi: Văn phòng Điều phối về vệ sinh an toàn thực phẩm Tỉnh.

Thực hiện công tác quản lý về Vệ sinh an toàn thực phẩm, UBND huyện Triệu Sơn báo cáo kết quả thực hiện Tháng hành động vì an toàn thực phẩm như sau:

## I. Quản lý, chỉ đạo

| TT | Nội dung hoạt động | Cấp xã | | Cấp huyện | | Cộng |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | *Số xã thực hiện/Tổng số xã* | *Số lượng* | *Số lượng* | *Ghi chú* | |
| 1 | Ban hành các văn bản chỉ đạo triển khai | 34 | 68 | 3 | | 71 |
| 2 | Tổ chức Lễ phát động/Hội nghị triển khai | 34 | 34 | 1 | | 35 |
| 3 | Tổ chức Hội nghị tổng kết | | | | | |

## II. Thông tin, truyền thông:

| TT | Nội dung hoạt động | Cấp xã | | | Cấp huyện | | Cộng |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | *Số xã thực hiện/ Tổng số xã* | *Số lượng (lớp, buổi, cái…)* | *Số người* | *Số lượng (lớp, buổi, cái…)* | *Số người* | |
| 1 | Nói chuyện/Hội thảo (buổi/tổng số người dự) | | | | | | |
| 2 | Tập huấn (lớp/tổng số người dự) | | | | | | |
| 3 | Phát thanh loa, đài (tin, bài, phóng sự) | | 60 | | 5 | | |
| 4 | Truyền hình (Buổi/tọa đàm, phóng sự) | | | | | | |
| 5 | Báo viết (tin/bài/phóng | | | | | | |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | sự) | | | | | | |
| 6 | Băng rôn, khẩu hiệu | 34 | 68 | | 5 | | |
| 7 | Tranh áp – phích/Poster | | | | | | |
| 8 | Tờ gấp, tờ rơi | | | | | | |
| 9 | Hoạt động khác *(ghi rõ):……* | | | | | | |

**III. Thanh tra, kiểm tra:**

1. Số lượng: 35 đoàn, (cấp xã 34 đoàn, cấp huyện 01 đoàn).
2. Số cơ sở được thanh tra, kiểm tra: 570 cơ sở.
3. Kết quả chi tiết:

| TT | Nội dung | Cấp xã | | | | | Cấp huyện | | | | | Cộng |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Sản xuất TP | KDTP | KD DVĂU | KD TĂĐP | Cộng | Sản xuất TP | KDTP | KD DVĂU | KD TĂĐP | Cộng | |
| 1 | Tổng số cơ sở | 162 | 102 | | 296 | 560 | | 2 | 8 | | 10 | |
| 2 | Số cơ sở được kiểm tra | 162 | 102 | | 296 | 560 | | | | | | |
| - | Số CS đạt | 162 | 102 | | 296 | 560 | | 2 | 8 | | 10 | |
| - | Số CS vi phạm | | | | | | | | | | | |
| 3 | Xử lý vi phạm | | | | | | | | | | | |
| 3.1 | Phạt tiền: | | | | | | | | | | | |
| - | Số cơ sở | | | | | | | | | | | |
| - | Số tiền phạt (đồng) | | | | | | | | | | | |
| 3.2 | Xử phạt bổ sung | | | | | | | | | | | |
| a | Tước quyền xử dụng GCN | | | | | | | | | | | |
| - | Giấy CN CS đủ điều kiện ATTP | | | | | | | | | | | |

| TT | Nội dung | Cấp xã | | | | | Cấp huyện | | | | | Cộng |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Sản xuất TP | KDTP | KD DVĂU | KD TĂĐP | Cộng | Sản xuất TP | KDTP | KD DVĂU | KD TĂĐP | Cộng | |
| - | Giấy chứng nhận GMP | | | | | | | | | | | |
| - | Giấy tiếp nhận bản đăng ký công bố SP | | | | | | | | | | | |
| - | Giấy XNQC | | | | | | | | | | | |
| b | Đình chỉ hoạt động | | | | | | | | | | | |
| c | Tịch thu tang vật | | | | | | | | | | | |
| 3.3 | Khắc phục hậu quả (*loại, trọng lượng*): | | | | | | | | | | | |
| - | Buộc thu hồi | | | | | | | | | | | |
| - | Buộc tiêu hủy | | | | | | | | | | | |
| - | Khác (ghi rõ) | | | | | | | | | | | |
| 4 | Xử lý khác | | | | | | | | | | | |
| 4.1 | Đình chỉ lưu hành | | | | | | | | | | | |
| 4.2 | Chuyển cơ quan điều tra | | | | | | | | | | | |

**IV. Kiểm nghiệm thực phẩm:**

| TT | Nội dung | Cấp xã | Cấp huyện | Cộng |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Xét nghiệm tại labo (*Tổng số mẫu*) | | | |
| 1.1 | Hóa lý (*Tổng số mẫu*) | | | |
| | Số mẫu đạt | | | |
| | Số mẫu không đạt | | | |
| 1.2 | Vi sinh (*Tổng số mẫu*) | | | |
| | Số mẫu đạt | | | |
| | Số mẫu không đạt | | | |
| 2 | Xét nghiệm nhanh (Tổng số mẫu) | | | |
| 2.1 | Hóa lý (*Tổng số mẫu*) | | | |
| | Số mẫu đạt | | | |
| | Số mẫu không đạt | | | |
| 2.2 | Vi sinh (*Tổng số mẫu*) | | | |
| | Số mẫu đạt | | | |
| | Số mẫu không đạt | | | |
| **Tổng (1+2)** | | | | |

**V. Ngộ độc thực phẩm:**

Trong tháng hành động không có vụ ngộ độc thực phẩm xảy ra.

**VI. Các hoạt động khác** (nếu có ghi cụ thể)

**VII. Đánh giá chung**

Cán bộ phụ trách ATTP cấp huyện đến cấp xã chủ yếu cán bộ kiêm nhiệm, thời gian dành cho công tác đảm bảo ATTP còn ít, các hoạt động tuyên truyền và kiểm tra trên địa bàn huyện thực hiện chưa được nhiều./.

***Nơi nhận:***
- Văn phòng ĐP về ATTP tỉnh (b/c);
- Lưu: VT, NN&PTNT.

**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Phú Quốc**